TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MÓNG CÁI** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2021/HS-ST
Ngày: 23-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đoàn Minh Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Thế Căn**

- Bà **Nguyễn Thị Hảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thu Trang**, *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông **Bùi Tuấn Ninh**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 133/2021/HSST ngày 12/11/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135a/2021/QĐXXST-HS ngày 15/11/2021và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/HSST-QĐ, ngày 26/11/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị L** (*Không có tên gọi khác*); Sinh ngày 24/02/1979 tại Móng Cái, Quảng Ninh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú – nơi cư trú: thôn 7, xã Q, huyện H tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Văn Sằn (đã chết) và bà Lê Thị Thật; có chồng là Vũ Văn Thành và 02 con; T án, T sự: không có;

Bị cáo đầu thú ngày 28/9/2021, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố Móng Cái. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Anh Phan Văn P, sinh năm 1979; nơi cư trú; thôn Q, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Phan Văn N, sinh năm 1974; nơi cư trú: xóm H, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đỗ Thế T, sinh năm 1985; nơi cư trú: số nhà 78 phố Hoàng Văn Thụ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Lạc H, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn Lục Phủ, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn 3, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 7/2021 đến đầu tháng 8/2021, Phạm Thị L cùng chồng là Vũ Văn Thành, lợi dụng sơ hở của những ngư dân trong việc quản lý các lồng "bát quái" thả ở biển để đánh bắt hải sản, đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tổng số 80 chiếc lồng "bát quái", cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ một ngày cuối tháng 7/2021, Vũ Văn Thành rủ Phạm Thị L đi lấy trộm lồng "bát quái", L đồng ý. Thành điều khiển xuồng máy biển kiểm soát QN-1731 từ bến tàu Dân Tiến thuộc xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái đến khu vực biển Đầu Sơn thuộc xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái. Sau khi quan sát xung quanh không thấy có tàu bè qua lại, L cùng Thành dùng đèn pin gắn trên đầu soi tìm các phao nổi, phía dưới gắn lồng "bát quái". Sau đó cả hai đã kéo lên được 50 lồng "bát quái" của anh Phan Văn P lên xuồng, rồi Thành điều khiển xuồng cùng L chở số lồng "bát quái" vừa lấy được quay lại bến tàu Dân Tiến cất giấu.

- Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ một ngày đầu tháng 8/2021, cũng bằng thủ đoạn tương tự, Phạm Thị L cùng Vũ Văn Thành đã lấy trộm 30 lồng "bát quái" đang thả ở khu vực biển Đầu Đất thuộc xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái của anh Phan Văn N.

Ngày 15/9/2021, L và Thành dùng xuồng máy biển kiểm soát QN-1731 chở 80 lồng "bát quái" đã trộm cắp được đến khu vực biển xã Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh bán cho anh Đỗ Văn T với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng), đồng thời bán chiếc xuồng máy QN-1731 cho anh T với giá 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Ngày 25/9/2021, sau khi biết hành vi phạm tội bị phát hiện, Phạm Thị L đã đến Công an huyện Hải Hà đầu thú, giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng gắn sim số 0904289606, còn Vũ Văn Thành vắng mặt nơi cư trú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 911/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Móng Cái kết luận: 50 chiếc lồng "bát quái" dùng để đánh bắt thủy, hải sản có đặc điểm tương tự nhau, đều là loại 29 khung sắt, dài 900cm, rộng 32cm, cao 22cm, mắt lưới 1,3cm đã qua sử dụng, trị giá là 5.833.500đ (năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng); 30 chiếc lồng "bát quái" dùng để đánh bắt thủy, hải sản có đặc điểm tương tự nhau, đều là loại 29 khung sắt, dài 900cm, rộng 32cm, cao 22cm, mắt lưới 1,3cm đã qua sử dụng, trị giá là 3.500.100đ (ba triệu năm trăm nghìn một trăm đồng). Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 9.333.600đ (chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị L khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung vụ án. Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận nguồn gốc chiếc xuồng máy biển kiểm soát QN-1731 do bị cáo cùng chồng là Vũ Văn Thành mua của anh Lạc H với giá 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng), sau đó đã bán cho anh Đỗ Văn T với giá 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), việc mua bán giữa các bên chỉ có giấy viết tay, anh T đã trả đủ T cho vợ chồng bị cáo.

Tại cơ quan điều tra, bị hại là anh Phan Văn P và anh Phan Văn N có nội dung lời khai về số tài sản là 80 lồng "bát quái" bị trộm cắp như nội dung vụ án, đồng thời anh P và anh N thừa nhận việc thả lồng "bát quái" để đánh bắt thủy, hải sản là vi phạm quy định của pháp luật, việc cơ quan nhà nước tịch thu số lồng "bát quái" của hai anh, hai anh không có ý kiến gì.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan anh Đỗ Văn T có nội dung lời khai thể hiện: Anh không biết 80 lồng "bát quái" mà bị cáo L cùng chồng bán cho anh là tài sản trộm cắp nên đã mua 80 lồng "bát quái" với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng), đồng thời anh cũng mua chiếc xuồng máy biển kiểm soát QN -1731 của vợ chồng bị cáo với giá 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Tại phiên tòa anh T yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) và bị cáo L đồng ý chấp nhận yêu cầu của anh T.

Người làm chứng anh Lạc H, anh Hoàng Văn H (con trai ông Hoàng Văn Hảo) trong quá trình điều tra có nội dung lời khai thể hiện: Chiếc xuồng máy biển kiểm soát QN-1731 có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa, chủ phương tiện là Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Hảo Hà do ông Hoàng Văn Hảo làm giám đốc, tuy nhiên hiện nay ông Hảo đã chết. Khi còn sống ông Hảo đã bán chiếc xuồng máy biển kiểm soát QN-1731 cho anh Lạc H, sau đó anh H đã bán lại cho vợ chồng bị cáo Phạm Thị L. Việc mua bán giữa các bên chỉ thể hiện bằng giấy viết tay, chưa làm thủ tục thay đổi tên chủ phương tiện trong Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

Người làm chứng anh Đỗ Thế T trong quá trình điều tra có nội dung lời khai thể hiện anh được chứng kiến việc thỏa thuận mua bán 80 lồng "bát quái" và 01 chiếc xuống máy giữa vợ chồng bị cáo Phạm Thị L và anh Đỗ Văn T với giá 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng).

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã khởi tố bị can đối với Vũ Văn Thành, tuy nhiên Thành đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra đối với Vũ Văn Thành.

Tại Bản cáo trạng số 134/CT-VKS-MC, ngày 11/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái đã truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với bị cáo; sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị với Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L từ 15 đến 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2021.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Phạm Thị L 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xuồng máy biển kiểm soát QN-1731.

- Về phần dân sự: Ghi nhận thỏa thuận tại phiên tòa giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan: Bị cáo Phạm Thị L phải trả cho anh Đỗ Văn T 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và bị cáo nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Móng Cái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều khoản áp dụng:

Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị L trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, ngươi có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, người làm chứng, phù hợp với nội dung Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoản thời gian từ cuối tháng 7/2021 đến đầu tháng 8/2021, Phạm Thị L cùng chồng là Vũ Văn Thành lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu đã 02 lần thực hiện trộm cắp tài sản, cụ thể: lần thứ nhất tại khu vực biển Đầu Sơn thuộc xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái, L và Thành đã trộm cắp 50 lồng "bát quái" của anh Phan Văn P có trị giá là 5.833.500 đồng; lần thứ hai tại khu vực biển Đầu Đất thuộc xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái, L và Thành đã trộm cắp 30 lồng "bát quái" của anh Phan Văn N có trị giá là 3.500.100 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 9.333.600đ (chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, mặc dù biết pháp luật nghiêm cấm việc chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác, nhưng bị cáo vẫn lén lút, lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, do đó hành vi trộm cắp tài sản trị giá 9.333.600 đồng của Phạm Thị L đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Quan điểm truy tố và luận tội về tội danh đối với bị cáo của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái là có căn cứ pháp lý.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được Nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Mặc dù nhận thức rõ pháp luật nghiêm cấm, nhưng do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, bản thân lười lao động, bị cáo vẫn lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Do đó việc đưa bị cáo ra xét xử công khai và áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là cần thiết, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Vũ Văn Thành là người khởi xướng, tuy nhiên bị cáo Phạm Thị L tham gia tích cực, do đó cần xem xét vai trò của bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Phạm Thị L 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trị giá tài sản mỗi lần trộm cắp đều lớn hơn 2.000.000 đồng, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt bổ sung*: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt T. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt T đối với bị cáo.

[4] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý nghiêm trong khung hình phạt đã truy tố, cách ly

bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục; đồng thời đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm xâm phạm sở hữu.

[5] Về phần dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với 80 lồng "bát quái" bị cáo và Vũ Văn Thành trộm cắp, cơ quan điều tra đã thu hồi. Tuy nhiên do việc thả lồng "bát quái" để đánh bắt hải sản tại vùng biển là vi phạm pháp luật, cơ quan điều tra đã kiến nghị và UBND thành phố Móng Cái đã tịch thu số lồng "bát quái" trên là đúng quy định pháp luật, những người bị hại đều không có ý kiến gì đối với việc tịch thu lồng "bát quái", nên Hội đồng xét xử không đề cập.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của bị cáo không L quan đến việc phạm tội, căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cần trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc xuồng máy biển kiểm soát QN-1731, đây là công cụ, phương tiện phạm tội, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan anh Đỗ Văn T yêu cầu bị cáo phải trả anh số T 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu đồng) anh đã bỏ ra để mua chiếc xuồng máy và lồng "bát quái", bị cáo L đồng ý với yêu cầu của anh T, do đó cần ghi nhận thỏa thuận, buộc bị cáo L phải trả cho anh T số T 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng). Do đây là nghĩa vụ L đới của bị cáo L và chồng bị cáo là Vũ Văn Thành, bị cáo có quyền yêu cầu Vũ Văn Thành hoàn trả một nửa số T 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng), nếu phát sinh tranh chấp quyền khởi kiện giải quyết bằng một vụ án dân sự.

[7] L quan trong vụ án còn có Vũ Văn Thành là chồng của bị cáo Phạm Thị L, do Thành không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra đã tách ra, điều tra làm rõ, xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: Cần buộc bị cáo Phạm Thị L phải chịu 200.000đ T án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự: Bị cáo Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự đối với số T 65 triệu đồng bị cáo phải trả cho anh Đỗ Văn T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Thị L** phạm tội " Trộm cắp tài sản"

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị L** 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2021.

*) **Về vật chứng và xử lý vật chứng:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị L 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, vỡ màn hình, gắn sim số 0904.289.060, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xuồng máy biển kiểm soát QN-1731 gắn động cơ YAMAHA công suất 48CV, màu xanh đã qua sử dụng có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 4593/ĐK, ngày 23/4/2007 mang tên Công ty cổ phần thương mại & dịch vụ Hảo Hà.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 16/2022/THA, ngày 19/11/2021.

*) **Về phần dân sự:**

Căn cứ khoản 2 Điều 3 Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019;

Ghi nhận thỏa thuận tại phiên tòa giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan: Bị cáo Phạm Thị L phải trả cho anh Đỗ Văn T 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày anh Đỗ Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bị cáo Phạm Thị L còn phải chịu khoản T lãi của số T còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

***)Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:**

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Thị L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) T án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự: Căn cứ vào điểm c, f khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Thị L phải chịu 3.250.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) T án phí dân sự.

***) Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền

kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND thành phố Móng Cái;*
- *Công an thành phố Móng Cái;*
- *Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan;*
- *Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;*
- *Thi hành án HS+DS;*
- *Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đoàn Minh Chiến